

**ỦY BAN DÂN TỘC**

Số: *263* /QĐ-UBNDT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày *24* tháng 5 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và  
cơ cấu tổ chức của Thanh tra Ủy ban Dân tộc**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

Căn cứ Luật Thanh tra số 56 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Thanh tra Ủy ban Dân tộc,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Vị trí, chức năng**

Thanh tra Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi tắt là Thanh tra Ủy ban) là tổ chức thuộc Ủy ban Dân tộc, có chức năng giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng, Chủ nhiệm) quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.

Thanh tra Ủy ban chịu sự chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng, Chủ nhiệm và chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Thanh tra Ủy ban có con dấu riêng và được mở tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Thanh tra Ủy ban thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra. *Th K*

2. Trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác thanh tra hằng năm; quyết định thanh tra đột xuất và thanh tra lại theo quy định của pháp luật.

3. Trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thanh tra công tác dân tộc và văn bản quy phạm pháp luật khác khi được Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao.

Tham mưu, giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra công tác dân tộc.

4. Thanh tra hành chính đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân thuộc Ủy ban Dân tộc trong việc thực hiện chính sách pháp luật, chức năng, nhiệm vụ được giao và thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.


5. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về lĩnh vực công tác dân tộc; việc thực hiện các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực công tác dân tộc của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan; việc thực hiện các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc và đề xuất Bộ trưởng, Chủ nhiệm các biện pháp khắc phục, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

6. Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với vụ việc thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc khi cần thiết. Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết luận, khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc và được Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao.

7. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Ủy ban Dân tộc.

8. Giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm quản lý nhà nước và thường trực về công tác phòng, chống tham nhũng; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ủy ban Dân tộc theo quy định.

9. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực công tác dân tộc cho thanh tra viên, công chức làm công tác thanh tra của Ủy ban Dân tộc và các cơ quan làm công tác dân tộc tại địa phương; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc.

10. Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học khi được Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao; thực hiện ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin vào lĩnh vực thanh tra công tác dân tộc. 



11. Tổng hợp báo cáo về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định.

12. Quản lý, phân công, nhận xét, đánh giá, theo dõi việc chấp hành nội quy và hiệu quả công tác của công chức thuộc Thanh tra; quản lý, sử dụng tài sản được Ủy ban giao cho Thanh tra Ủy ban; quản lý, sử dụng kinh phí thu hồi sau thanh tra đúng quy định của pháp luật; đề xuất việc thực hiện các chế độ chính sách đối với công chức thuộc biên chế của Thanh tra, trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Thanh tra Ủy ban có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, các Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các thanh tra viên, chuyên viên, làm việc theo chế độ thủ trưởng kết hợp với chế độ trực tuyến.

Chánh Thanh tra Ủy ban do Bộ trưởng, Chủ nhiệm bổ nhiệm và miễn nhiệm sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ theo quy định, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Chủ nhiệm về toàn bộ hoạt động của Thanh tra Ủy ban.

Các Phó Chánh Thanh tra Ủy ban do Bộ trưởng, Chủ nhiệm bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Chánh Thanh tra Ủy ban. Phó Chánh Thanh tra Ủy ban giúp Chánh Thanh tra Ủy ban phụ trách một số lĩnh vực công tác của Thanh tra Ủy ban và chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra Ủy ban về nhiệm vụ được phân công.

Lãnh đạo các phòng có Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng, do Bộ trưởng, Chủ nhiệm bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Chánh Thanh tra Ủy ban, chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra Ủy ban về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của phòng theo quy định và theo phân công quản lý của lãnh đạo Thanh tra Ủy ban.

2. Thanh tra Ủy ban có 04 phòng nghiệp vụ để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

a. Phòng Tổng hợp (Phòng Nghiệp vụ 1);

b. Phòng Tiếp dân, xử lý đơn thư; giám sát và xử lý sau thanh tra (Phòng Nghiệp vụ 2);

c. Phòng Thanh tra chuyên ngành (Phòng Nghiệp vụ 3);

d. Phòng Thanh tra hành chính và phòng, chống tham nhũng (Phòng Nghiệp vụ 4).

3. Chánh Thanh tra Ủy ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra; quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng nghiệp vụ thuộc Thanh tra Ủy ban. Xây dựng Quy chế làm việc của Thanh tra Ủy ban.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban

